

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 697/2022/HNGĐ-PT

Ngày 25-11-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Bà Quách Thanh Bình.

Bà Trần Thị Lệ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 598/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5247/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường A, phường B, tỉnh C, Thành phố Tiền Giang

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường D, ấp E, xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Lan O - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh C, Thành phố Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2019 cấp ngày 09/4/2019. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Ông P thường hay có lời lẽ xúc phạm, đồng thời không chăm lo, quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng hay gây gổ, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với Ông P.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Nguyễn Hoàng Chiêu A, sinh ngày 29/3/2019 và Nguyễn Thị Thủy A, sinh ngày 29/3/2019. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng các trẻ Nguyễn Hoàng Chiêu A và trẻ Thủy A, không yêu cầu Ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận không có.

Theo bản tự khai ngày 21/4/2022 và trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:

Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn thì Ông P đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Do hiện tại các trẻ Nguyễn Hoàng Nguyễn Hoàng Chiêu A và trẻ Nguyễn Thị Thủy A đang sinh sống cùng với Ông P nên Ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi các trẻ Nguyễn Hoàng Chiêu A và trẻ Thủy A, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P xác nhận không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 598/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Hoàng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2019 đăng ký ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh C, Thành phố Tiền Giang cấp cho bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao các trẻ Nguyễn Hoàng Nguyễn Hoàng Chiêu A, sinh ngày 29/3/2019 (Giới tính: Nam) và trẻ Nguyễn Thị Thủy A, sinh ngày 29/3/2019 (Giới tính: Nữ) cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Ông P cho đến khi có đơn yêu cầu.

Ông Nguyễn Hoàng P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và Ông P xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040697 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 05/7/2022, bị đơn ông Nguyễn Hoàng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà T trình bày:

Sau khi sinh con bà về quê ngoại ở tỉnh Tiền Giang sinh sống, đến khi con được khoảng 02 tháng thì bà và hai con trở lại nhà nội tại Sài Gòn sinh sống. Khi dịch covid bùng phát vào khoảng tháng 4/2020, Ông P đưa mẹ con bà về lại tỉnh Tiền Giang sinh sống. Trong thời gian này một mình bà chăm hai con mà không có sự giúp đỡ từ Ông P về vật chất. Vào ngày 04/3/2022, Ông P về mang hai con trở lại Sài Gòn mà không có sự đồng ý của bà, khi đó các con chưa được 03 tuổi. Sau này bà đến thăm con thì Ông P cùng gia đình cản trở; bà có nhờ chính quyền địa phương giúp đỡ; hai bên thỏa thuận một tuần bà được thăm con một lần vào chiều thứ hai mỗi tuần, mỗi lần được 02 giờ; nhưng khi bà đến thăm thì Ông P không cho gặp con, nên bà rất bức xúc và nộp đơn đến Tòa án. Nay nếu Ông P không giao hai con thì bà chấp nhận nhận một trẻ gái là Thủy A, trẻ Nguyễn Hoàng Chiêu A là trai giao cho Ông P nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Những hình ảnh Ông P cung cấp cho Tòa án, cho rằng bà không chăm con tốt thì đây là những hình ảnh bà chuyển cho người cháu của Ông P

biết về việc các trẻ được vui chơi, phát triển như thế nào, nhưng Ông P dùng hình ảnh này cho rằng bà không nuôi dạy con tốt.

Bị đơn Ông P trình bày:

Sau khi hai con sinh ra thì sinh sống ở nhà nội, đến khi dịch bùng phát thì ông đưa bà T cùng hai con về nhà ngoại ở tỉnh Tiền Giang sinh sống. Khoảng đầu tháng 3/2022 thì ông về đưa mẹ con bà T về lại Sài Gòn nhưng bà T không đồng ý, sau đó khi ông đến thăm con và mang hai con về thì bà T đến nhà ông quậy phá, nên chính quyền địa phương can thiệp và hai bên có thỏa thuận thăm hai con như bà T trình bày. Có việc bà T không gặp được con, là do bà T đến thăm con mà không thông báo trước cho ông, nên các cháu ngủ bà T không gặp được. Bà T nuôi dạy con không tốt, cho con chơi với lửa và leo trèo như hình ảnh mà ông cung cấp cho Tòa án. Hiện ông đã cho hai con đi học lớp mầm trường mẫu giáo gần nhà; ông đã mua bảo hiểm nhân thọ cho hai con thụ hưởng; về điều kiện kinh tế ông có đủ khả năng nuôi dạy mà không cần bà T cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa, ông thừa nhận nếu Tòa án giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dạy, thì ông không bàn giao hai con cho bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông P là Luật sư Nguyễn Lan O trình bày:

Ông P rút một phần kháng cáo bản án, chỉ yêu cầu kháng cáo về con chung. Từ những chứng cứ trên cho thấy bà T nuôi dạy con cho con leo trèo và chơi với lửa là rất nguy hiểm, ảnh hưởng đến tính mạng của con. Ông P ở với mẹ ruột là giáo viên về hưu nên giáo dục con tốt hơn. Hiện Ông P có thu nhập từ 50 đến 60 triệu đồng/tháng; Ông P mua bảo hiểm hai trẻ là người thụ hưởng; hai trẻ đã được đi học, nên giao con cho Ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng:

Ngày 26/8/2022, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Ngày 05/7/2022, ông Nguyễn Hoàng P kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tranh luận tại phiên tòa cho thấy Ông P đã có hành vi cản trở bà T đến thăm con là vi phạm quyền thăm nom con chung quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dạy là có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1/ Về tố tụng:

Ngày 28/6/2022, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm. Ngày 05/7/2022, ông Nguyễn Hoàng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đã tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng P làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét.

2/ Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2019 đăng ký ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh C, Thành phố Tiền Giang cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng P và bà Phạm Ngọc Trinh là hôn nhân hợp pháp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông P rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo về yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về con chung:

Ông P và bà T xác nhận có hai con chung song sinh là trẻ Nguyễn Hoàng Nguyễn Hoàng Chiêu A, sinh ngày 29/3/2019 (Giới tính: Nam) và trẻ Nguyễn Thị Thủy A, sinh ngày 29/3/2019 (Giới tính: Nữ). Hai bên đương sự đều có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T có lời trình bày khi dịch bệnh covid bùng phát bà mang hai con chung về tỉnh Tiền Giang sinh sống, khi đó các trẻ chưa được 03 tuổi. Khi dịch bệnh tạm ổn vào tháng 3/2022, Ông P về thăm con và mang con về lại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ông mang con đi bà không được thông báo, hiện ông bỏ lại phương tiện di chuyển tại nhà bà, hành vi này của ông là lén lút mang con đi. Trong thời gian bà trực tiếp nuôi các con là song sinh còn nhỏ nhưng Ông P không cấp dưỡng để phụ giúp bà nuôi hai con.

Sau khi mang con về, bà đến thăm thì Ông P ngăn cản không cho bà thăm con, bà nhờ chính quyền địa phương can thiệp thì bà chỉ được gặp hai, ba lần, sau đó ông không cho bà gặp mặt.

Ông P cho rằng bà T không nuôi dạy con tốt với chứng cứ là hình ảnh các trẻ leo trèo và chơi với lửa rất nguy hiểm dễ ảnh hưởng đến tính mạng của các trẻ, làm cho các trẻ chậm phát triển nên ông không đồng ý giao cho bà trực tiếp nuôi dạy con. Bà T cho rằng những hình ảnh trên là do bà cung cấp cho người cháu của Ông P để gia đình được biết các trẻ sinh sống và vui chơi như thế nào, các trẻ chơi trong sự kiểm soát của bà.

Tại Công văn số 1221/UBND ngày 04/4/2022 và số 1852/UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện C trả lời cho Tòa án thì hiện nay hai trẻ Nguyễn Hoàng Chiêu A và trẻ Thủy A đang sinh sống cùng với Ông P, do Ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trong thời gian bà T đến thăm nom, chăm sóc con chung thì Ông P có hành vi cản trở, không tạo điều kiện để bà T thăm con. Như vậy Ông P đã vi phạm quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T đồng ý giao một con chung trẻ Nguyễn Hoàng Chiêu A là nam cho Ông P trực tiếp nuôi dạy nhưng Ông P không đồng ý. Bên cạnh đó nếu Tòa án giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dạy thì Ông P không đồng ý bàn giao hai con cho bà T.

Hai trẻ Nguyễn Hoàng Chiêu A và Thủy A là song sinh và còn nhỏ nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải có sự trông nom, nuôi dạy của người mẹ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng cho con bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung không có kháng nghị và kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và đã phát sinh hiệu lực.

Với những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của Ông P về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên Ông P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng P về việc nuôi dạy con chung sau khi ly hôn.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Hoàng P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2019 đăng ký ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh C, Thành phố Tiền Giang cấp cho bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng P không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Buộc ông Nguyễn Hoàng P giao hai trẻ Nguyễn Hoàng Nguyễn Hoàng Chiêu A, sinh ngày 29/3/2019 (Giới tính: Nam) và trẻ Nguyễn Thị Thủy A, sinh ngày 29/3/2019 (Giới tính: Nữ) cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đối với ông Nguyễn Hoàng P cho đến khi có đơn yêu cầu.

Ông Nguyễn Hoàng P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng P xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040697 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0041468 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh